

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 16-01-2025  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Thị Kim Hoa
- Bà Trần Thị Ngọc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 497/2024/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/12/2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Đ, thôn M, xã M, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Ông Ngô Văn N, sinh năm 1984; địa chỉ chỗ ở: 1 L, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện ngày 01/10/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Văn N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 123/2018 ngày 09/8/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà sinh sống và làm việc tại địa chỉ 40/21, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Cả hai chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 4 năm 2022 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông N thường xuyên đi nhậu, vắng nhà cả tháng không có lý do, không chăm lo cho cuộc sống chung của gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông N cũng không có công việc ổn định để lo cho gia

đình. Mâu thuẫn ngày càng tăng lên làm cho cuộc sống hôn nhân ngày càng bế tắc mặc dù gia đình hai bên đã cố gắng hòa giải và nỗ lực hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể hòa giải được. Đến khoảng tháng 01/2023 bà T đã về nhà mẹ ở Thanh Hóa sinh sống và vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay bà T xác nhận tình cảm giữa bà và ông Ngô Văn N không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Ngô Liên N1, sinh ngày 06/8/2019. Hiện cháu N1 đang sống cùng bà T ở Thanh Hóa. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Ngô Văn N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Ngô Văn N:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức niêm yết công khai và yêu cầu ông Ngô Văn N có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T nhưng ông N không có ý kiến cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án triệu tập ông N tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia hòa giải vào ngày 29/11/2024 nhưng ông N vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có ý kiến, không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ gì để thể hiện ông N đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của bà T.

- *Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, nghề nghiệp, nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Văn N tại Hội Liên hiệp Phụ nữ phường D và được cung cấp như sau:* Trước khi nộp đơn ly hôn tại Tòa án, bà Nguyễn Thị T không có đơn yêu cầu Hội liên hiệp Phụ nữ phường D tiến hành hòa giải. Hội liên hiệp Phụ nữ phường D, thành phố D cũng không có thông tin trình báo về mâu thuẫn giữa vợ, chồng bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Văn N. Vì vậy, về tình trạng quan hệ hôn nhân, nghề nghiệp, nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông, bà thì Hội liên hiệp Phụ nữ phường D không biết được.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, việc tiến hành tố tụng đã đảm bảo tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N đã có những mâu thuẫn trầm trọng. Sau khi bà T nộp đơn ly hôn, Tòa án đã triệu tập ông N đến Tòa nhiều lần nhưng ông N không đến, chứng tỏ ông N cũng không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông và bà T. Do vậy, việc bà T yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Về con chung: xét thấy, hiện cháu N1 đang sống cùng bà T tại Thanh Hóa và cháu đang còn nhỏ dưới 7 tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem

xét giao các con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung do các đương sự không tranh chấp nên không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Ngô Văn N đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt 02 lần liên tiếp không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Văn N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 123/2018 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 09/8/2018 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của bà T thì thực tế cuộc sống vợ chồng của bà và ông N có nhiều mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 4 năm 2022 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bắt đồng quan điểm sống, ông N thường xuyên đi nhậu, vắng nhà cả tháng không có lý do, không chăm lo cho cuộc sống chung của gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông N cũng không có công việc ổn định để lo cho gia đình. Bà T và ông N đã ly thân từ khoảng tháng 01/2023 đến nay. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập ông N đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông N không đến tham gia hòa giải, điều này càng chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn và chính ông N cũng không quan tâm và không muốn hàn gắn. Vì vậy, bà T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Giữa bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Văn N có 01 con chung là cháu Ngô Liên N1, sinh ngày 06/8/2019. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét, hiện cháu N1 đang sống cùng bà T ở Thanh Hóa và cháu đang còn nhỏ dưới 7 tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Vậy nên giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn sẽ bảo đảm quyền lợi của phụ nữ, trẻ em khi vợ chồng ly hôn, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Ngô Văn N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn, nuôi con của bà Nguyễn Thị T đối với ông Ngô Văn N.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T chịu án phí ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Đ a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Ngô Văn N (Giấy chứng nhận kết hôn số 123/2018 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 09/8/2018).

2. Về con chung: Buộc ông Ngô Văn N giao cháu Ngô Liên N1, sinh ngày 06/8/2019 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị T phải tạo điều kiện cho ông Ngô Văn N thăm nom con, không ai có quyền cản trở ông Ngô Văn N thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Ngô Văn N phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001703 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

6. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn ông Ngô Văn N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHADS thành phố Dĩ An (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VP, HS (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mỹ Thanh**